TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2024/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 23 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNHCÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔNVÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, con chung"* của người yêu cầu: Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1987 và bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Số D đường B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Ngô Văn T có đăng ký vào ngày 18/7/2012 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống với nhau tại số nhà D đường B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống, đến năm 2016, vợ chồng ông T, bà D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến cải nhau, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt. Cho đến nay, vợ chồng ông T, bà D đã nhiều lần tìm hướng giải quyết vì con nhưng không có sự tiến triển nào. Đến nay vợ chồng ông, bà không còn tình cảm, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho vợ chồng ông, bà được thuận tình ly hôn.

Tại biên bản hòa giải ngày 15 tháng 02 năm 2024, vợ chồng ông bà cùng xác định tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận cho ông bà được thuận tình ly hôn. Xét việc hòa giải đoàn tụ thành không được và tại phiên hòa giải ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của ông bà, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D là hoàn

toàn tự nguyện, do đó cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn của ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D.

[2] *Về con chung:* Vợ chồng ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D cùng xác nhận có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20/5/2015. Khi ly hôn, ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D thống nhất giao con chung Ngô Nguyễn Đăng K cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Ngô Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Khi vì lợi ích con chung, các bên có quyền thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] *Về tài sản chung:* Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D cùng xác nhận không có.

[4] *Về nợ chung*: Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D cùng xác nhận không có.

[5] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình*: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu 0000616 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị D, ông Ngô Văn T đã nộp đủ tiền lệ phí hôn nhân gia đình.

[6] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn lập ngày 15 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 91/2012, quyển số 01/2012 ngày 18/7/2012 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng)

- *Về con chung:* Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D cùng thống nhất giao con chung tên Ngô Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20/5/2015 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp

nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Ngô Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Khi vì lợi ích con chung, các bên có quyền thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D cùng xác nhận không có.

- *Về nợ chung:* Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu 0000616 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị D, ông Ngô Văn T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Khuê Trung;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Trang